**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 1+2 (171+172) – 2010

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| NGUYỄN VĂN ĐỘ | Brown và Levinson - một cột mốc trong nghiên cứu về lịch sự nhìn từ góc độ ngôn ngữ | 2 |
| NGUYỄN VĂN PHÚC | Giải pháp thực hành cho phụ âm tiếng Việt trên cơ sở nét “trước”/ “sau” tương đối | 8 |
| NGUYỄN THỊ HUYỀN | Sự chuyển vị trọng âm tiêu điểm do hoạt biến diễn ngôn | 15 |
| VÕ LÝ HOÀ & NGUYỄN THỊ XUÂN TRANG | Các phương pháp tóm tắt văn bản |  |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| PHẠM TỐ HOA | Giới tính và phong thái giao tiếp (qua cứ liệu tiếng Anh) | 25 |
| LÊ HỒNG LINH | Mối liên hệ giữa ngôn ngữ và giới tính trong tiếng Việt và tiếng Anh | 29 |
| HOÀNG THỊ YẾN | Lời chào miêu tả hành vi trong tiếng Hàn | 36 |
| DIỆP KIẾN VŨ | Một phương pháp kết hợp trong dạy nói ngoại ngữ cho sinh viên Việt Nam | 41 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ** |  |
| DƯƠNG KỲ ĐỨC | Hùm ta và hùm tây | 45 |
| THẾ ANH | Con hổ trong thành ngữ, tục ngữ Việt | 50 |
| LÊ ĐỨC LUẬN | Biểu tượng long-rồng từ cội nguồn văn hoá giống nòi thể hiện trong truyền thuyết đến địa danh Thăng Long-Hà Nội | 53 |
| LÊ TRUNG HOA | Tên cây cỏ ở Nam Bộ đi vào địa danh Việt Nam | 56 |
| DƯƠNG XUÂN ĐỐNG | *Tướng* trong tướng văn-tướng võ | 60 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| LƯƠNG MINH CHUNG | Nét văn hoá người Việt qua ngôn từ *Đây thôn vĩ dạ* của Hàn Mặc Tử | 62 |
| TRẦN THỊ MAI | Trường từ vựng chỉ không gian trong tập thơ *Lửa thiêng* của Huy Cận | 65 |
| NGUYỄN MẠNH HÀ | Những độc đáo của ngôn ngữ trong *Màu thời gian* | 70 |
| NGUYỄN THỊ HỒNG CHUYÊN | Ngôn ngữ người kể chuyện trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư | 74 |
|  | **DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ** |  |
| HOÀNG KIM NGỌC | Thơ lục bát của Nguyễn Du và Nguyễn Duy có gì sai vần luật không? |  |
| 79 |
| DƯƠNG VĂN KHOA | Chùa Hương Tích | 83 |
| PHẠM THUẬN THÀNH | Vài cách chơi chữ dân gian | 85 |
| LÊ THỊ THANH NGÀ | Một cách hiểu câu tục ngữ “Gái thương chồng đương đông buổi chợ, Trai thương vợ nắng quái chiều hôm” | 87 |
| NGUYỄN VĂN LUẬN | Lênin không viết thế | 90 |
|  | **TIN TỨC HOẠT ĐỘNG** |  |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 3 (173) – 2010

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| TRẦN KIM PHƯỢNG | Bàn thêm về cấu trúc đề-thuyết của câu tiếng Việt | 1 |
| TRỊNH CẨM LAN | Biến thể ngữ pháp của một số tiểu từ tình thái cuối câu trong phương ngữ Nam Bộ | 10 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| TRẦN BÍCH LAN | Lí thuyết dịch thuật chức năng của C.Nord | 16 |
| NGUYỄN NGỌC CHINH | Khảo sát phương thức truyền đạt liên từ “TAK ìTO” với ý nghĩa kết quả trong tiếng Nga sang tiếng Việt | 19 |
| NGUYỄN XUÂN BÌNH | Ngữ nghĩa của tính từ chỉ kích thước – nhìn từ góc độ tri nhận không gian (trên cứ liệu tiếng Nga và tiếng Việt) | 23 |
| NGUYỄN THỊ XUÂN THUỶ LÊ THỊ THANH THUÝ | Các phương thức cấu tạo thuật ngữ điện-điện tử trong tiếng Anh | 29 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN HOÁ** |  |
| PHAN THỊ PHƯỢNG | Bàn về một khía cạnh tâm linh trong ca dao người Việt | 34 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| NGUYỄN THỊ HÀ | Bước đầu khảo sát ý niệm về tình yêu trong ca dao của người Việt | 38 |
|  | **DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ** |  |
| LÊ THỊ NGỌC ĐIỆP | Khảo sát việc dạy và học từ ngữ không thông dụng với địa phương sử dụng sách giáo khoa tiểu học | 42 |
|  | **TIN TỨC HOẠT ĐỘNG** |  |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 4 (174) – 2010

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| NGUYỄN HỒNG CỔN | Cấu trúc thông tin và biến thể cú pháp của câu tiếng Việt | 1 |
| NGUYỄN THỊ VIỆT THANH | Hoạt động của đại từ “nó” trong khẩu ngữ tiếng Việt | 7 |
| NGUYỄN THỊ NHUNG | Định tố tính từ tiếng Việt xét trên bình diện cấu trúc | 12 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| TRẦN BÍCH LAN | Lí thuyết dịch thuật chức năng của C.Nord (tiếp theo) | 20 |
| NGUYỄN ĐĂNG SỬU | Câu hỏi lấy thông tin trong tiếng Anh và tiếng Việt (tiếp theo) | 25 |
| NGUYỄN NGỌC CHINH | Tập hợp liên từ “***ẩ ẽẻềẻèể***”trong câu phức hợp đẳng lập tiếng Nga và phương thức truyền đạt sang tiếng Việt | 29 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN HOÁ** |  |
| MÔNG LÂM | Ý nghĩa biểu trưng của tính từ chỉ màu sắc cơ bản nhất trong tiếng Việt và tiếng Hán | 33 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| ĐẶNG NHÃ VĂN | Phân tích nghệ thuật phiên dịch thơ cổ Trung Quốc sang tiếng Việt qua hai bản dịch của bài thơ “Nghĩ cổ” | 38 |
|  | **DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ** |  |
| NGUYỄN THIỆN NAM | Vài suy nghĩ về việc ứng dụng phương pháp giao tiếp vào giờ dạy tiếng Việt |  |
| ĐÀO TIẾN THI | Phiên âm tên riêng nước ngoài không đơn giản thế (trao đổi với TS Thanh Hà) | 42 |
|  | **TIN TỨC HOẠT ĐỘNG** |  |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 5 (175) – 2010

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| LÊ QUANG THIÊM | Ôn lại lời dạy và những bài học về sử dụng ngôn ngữ của Bác Hồ | 1 |
| BÙI MINH TOÁN | Lí thuyết “hành động ngôn ngữ” với đoạn thơ *Trao duyên* của *Truyện Kiều* | 4 |
| ĐINH HỒNG VÂN | Những phân tích cơ bản và việc hiểu nghĩa ngôn bản gốc trong dịch thuật | 9 |
| BÙI THUỲ LINH | Ý nghĩa của sự thay đổi cách xưng hô và tha xưng (khảo sát trong gia đình người Việt) | 15 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| ĐẶNG NGỌC HƯỚNG | Mạo từ zero đối với người Việt học tiếng Anh | 20 |
| HỒ THỊ KIỀU OANH | Phân tích một số động từ trong cụm dạng have/take/give+a+[v]n của tiếng Anh | 24 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| ĐẶNG THỊ THU HIỀN | Tìm hiểu các biểu thức chiếu vật có chứa các từ “thân”, “phận”, “số”, “kiếp” trong *Truyện Kiều* | 27 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ** |  |
| TRẦN THỊ LAM THUỶ | Con số hai trong thành ngữ, tục ngữ và ca dao người Việt nhìn từ góc độ ngôn ngữ-văn hoá | 35 |
|  | **DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ** |  |
| NGUYỄN MINH SƠN | Phải chăng thời Nguyễn Trãi chưa có từ nêu giả thuyết “*nếu*”? | 41 |
| MAI THANH THẮNG | Một vài kỉ niệm về tiếng Nam Bộ | 45 |
| ĐÀO TIẾN THI | Mấy suy nghĩ từ hội thảo *Ngữ học toàn quốc* 2010 | 48 |
|  | **TIN TỨC HOẠT ĐỘNG** |  |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 6 (176) – 2010

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| TRẦN HỮU MẠNH | Xem xét cấu trúc thông tin của một đoạn văn và ứng dụng của nó | 1 |
| DƯƠNG KỲ ĐỨC | Đôi điều chiêm nghiệm về tổ chức làm từ điển ở xứ ta | 6 |
| NGUYỄN THỊ LƯƠNG | Các hình thức xin lỗi trực tiếp của người Việt | 11 |
| NGUYỄN DIỆU ANH | Vài nét về thuật ngữ vật liệu xây dựng trong tiếng Việt | 15 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| LÊ THỊ THANH TÂM | Tìm hiểu hiện tượng chuyển nghĩa của nhóm từ chỉ hướng không gian trong tiếng Việt (liên hệ với tiếng Nga) | 17 |
| NGUYỄN ĐĂNG SỬU | Lỗi xuyên văn hoá và lỗi dịch câu hỏi tiếng Anh của người Việt | 26 |
| VÕ TÚ PHƯƠNG | Những thống kê trạng từ trong tiếng Anh và tiếng Việt | 30 |
| NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG | Cấu trúc gây khiến - kết quả từ vựng tính trong tiếng Việt | 33 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ** |  |
| TÔN NỮ MỸ NHẬT | Quan hệ kết hợp từ (trường hợp từ *mưa*) trong tiếng Việt | 38 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| NGUYỄN THỊ TUỆ NHƯ | Chẳng phải ngẫu nhiên tập thơ ấy có tên là *Ánh sáng và phù sa* | 43 |
|  | **DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ** |  |
| PHAN THỊ AI | Đôi nét về mạch lạc và lỗi mạch lạc của học sinh | 45 |
|  | **TIN TỨC HOẠT ĐỘNG** |  |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 7 (177) – 2010

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| NGUYỄN HOÀNG ANH | Đối chiếu hình thức biểu đạt so sánh ngang bằng giữa tiếng Hán và tiếng Việt | 1 |
| VŨ NGỌC HOA | Phân loại hành vi ngôn ngữ cầu khiến trong văn bản hành chính | 8 |
| NGUYỄN VĂN HÁN | Đôi nét về tính nghiệm thân trong ẩn dụ và hoán dụ ý niệm | 12 |
| LÊ THỊ LÂM | Từ ngữ xưng gọi trong tiếng Vĩnh Thịnh, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá | 15 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| VÕ THỊ DUNG | Cách thức biểu đạt về lời ăn tiếng nói trong tục ngữ Anh-Việt | 20 |
| VÕ TÚ PHƯƠNG | Khảo sát cách chuyển dịch trạng từ trong tác phẩm Harry Porter | 25 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| HỒ THỊ THU HÀ | Nhịp thơ và giá trị nghệ thuật của nhịp trong ca dao lục bát xứ Nghệ | 29 |
| HOÀNG THỊ THANH HUYỀN | Hội thoại trực tiếp trong truyện ngắn *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp | 34 |
| PHẠM THỊ NHƯ HOA | Câu hỏi tu từ tầng bậc trong thơ Chế Lan Viên | 39 |
| HỮU HƯNG | “Tên trộm” đã gặp nàng thơ? | 42 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ** |  |
| NGUYỄN VĂN HẢI | Định danh chuyển nghĩa của từ “đầu” trong tiếng Việt và các từ tương đương trong tiếng Anh | 44 |
|  | **DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ** |  |
| NGUYỄN THỊ THUÝ HỒNG | Cần thay đổi một số thói quen của sinh viên không chuyên ngữ để học môn tiếng Anh tốt hơn | 47 |
|  | **TIN TỨC HOẠT ĐỘNG** |  |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 8 (178) - 2010

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| VŨ LỘC | Từ loại tiếng Việt và vấn đề chú thích từ loại trong từ điển | 1 |
| TRẦN THANH VÂN | Đặc điểm *mặc cả* của người mua là nam giới ở chợ Đồng Tháp | 5 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| TRƯƠNG VĂN VỸ | Những nhân tố xã hội tác động đến sự biến đổi của tiếng Nga hiện nay | 12 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ** |  |
| PHẠM TẤT THẮNG | Sự biến đổi của hình thức tên riêng người Việt | 15 |
| MÔNG LÂM | Bàn về họ ghép và họ kép trong tên người Hán và người Việt | 20 |
| HÀN THỊ THU HƯỜNG | Phương thức so sánh trong ca khúc *Tình sầu* của Trịnh Công Sơn | 24 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| NGUYỄN THỊ HƯỞNG | Trường từ vựng thị giác trong *Truyện Kiều* | 29 |
| KHUẤT THỊ LAN | Hành vi ngôn ngữ rào đón thuộc phương châm về chất trong một số truyện ngắn tiêu biểu của Nam Cao | 33 |
|  | **NGÔN NGỮ-VĂN HOÁ DÂN TỘC THIỂU SỐ** |  |
| TRẦN THỊ KIM HOA | Lỗi sử dụng từ ngữ tiếng Việt của học sinh Tày-Nùng ở Trường phổ thông Vùng cao Việt-Bắc | 37 |
|  | **DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ** |  |
| PHẠM THỊ THU HOÀI | Thực trạng sử dụng ngôn ngữ “lóng” trên văn bản báo chí dành cho giới trẻ hiện nay | 42 |
| NGUYỄN THỊ THUÝ HỒNG | Nâng cao chuyên môn qua hoạt động dự giờ | 46 |
|  | **TIN TỨC HOẠT ĐỘNG** |  |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 9 (179) – 2010

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| NGUYỄN KHÁNH HÀ | Từ ngữ phái sinh chỉ màu trong tiếng Việt | 1 |
| NGUYỄN VĂN NỞ | Địa danh và nghệ thuật chơi chữ | 7 |
|  | **NGÔN NGỮ TRONG NHÀ TRƯỜNG** |  |
| BÙI THỊ LÂM | Phát triển ngôn ngữ cho trẻ khiếm thính trong tổ chức trò chơi ở lớp mẫu giáo hoà nhập | 13 |
| ĐẶNG THỊ LỆ TÂM | Rèn luyện kĩ năng sử dụng nghi thức lời nói cho học sinh tiểu học dưới góc độ lí thuyết hội thoại | 17 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| PHẠM HÙNG DŨNG | Ý nghĩa *cực cấp* trong tiếng Việt và tiếng Anh | 22 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ** |  |
| TẠ QUANG TÙNG | Về các địa danh lịch sử-văn hoá xứ Huế | 31 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| ĐỖ PHƯƠNG LÂM | Góp lời bàn về cách hiểu một câu trong Bạch Đằng giang phú | 38 |
| PHẠM ÁNH QUYÊN | Cách sử dụng từ láy trong thơ Nôm Nguyễn Khuyến | 41 |
|  | **DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ** |  |
| THANH HÀ | Về phiên âm tên riêng nước ngoài: một giải pháp, nhiều giải pháp hay không giải pháp? | 45 |
|  | **TIN TỨC HOẠT ĐỘNG** |  |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 10 (180) – 2010

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| NGUYỄN VĂN KHANG | Đối chiếu Hán-Việt: những vấn đề lí thuyết và thực tiễn | 1 |
| PHẠM HỒNG NHUNG | Thời gian trong tiếng Việt là khái niệm có mang tính phổ quát? | 12 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| LÂM QUANG ĐÔNG | Cần thiết rèn luyện kĩ năng thực hành tiếng cho sinh viên | 18 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ** |  |
| NGUYỄN THỊ KIM LOAN | Tiếng Hà Nội từ góc nhìn của phương ngữ xã hội | 23 |
| NGUYỄN VĂN AN | Từ ngữ nghề gốm Thổ Hà Bắc Giang | 31 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| TRƯƠNG THU TRANG | Tính triết lí và giáo huấn trong ngôn ngữ thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm qua tập thơ “*Bạch vân quốc ngữ thi tập*” | 34 |
| TRẦN ĐĂNG KIÊN | Chất liệu ngôn ngữ-văn hoá dân gian trong chương “Đất nước” (trường ca “*Mặt đường khát vọng*”của Nguyễn Khoa Điềm) | 41 |
| VŨ VĂN LĂNG | Tình yêu của cái “giống người” trong hiện tại và tình yêu triết lí | 44 |
|  | **TIN TỨC HOẠT ĐỘNG** |  |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 11 (181) – 2010

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| ĐỖ VIỆT HÙNG | Quan hệ ngôn ngữ-văn hoá và việc dạy học bản ngữ ở bậc phổ thông | 1 |
| LA VĂN THANH | Vấn đề cần lưu ý khi giảng dạy từ Hán Việt | 5 |
| LÊ THỊ LAN ANH | Từ vựng tiếng địa phương Thanh Hoá | 13 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| PHAN VĂN HOÀ - PHAN THỊ THUỶ TIÊN | Cấu trúc chuyển tác trong ngôn bản Anh và Việt | 19 |
| LÂM QUANG ĐÔNG | Một số thao tác tư duy trong kĩ năng đọc hiểu | 30 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ** |  |
| NGUYỄN VĂN CHIẾN | Hiện tượng hoá thạch và những yếu tố Khơme Nam Bộ hoá thạch trong phương ngôn Nam Bộ | 36 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| NGUYỄN VĂN NỞ - DƯƠNG THỊ THU HẰNG | Thành ngữ, tục ngữ cải biên trong tác phẩm Sơn Nam | 42 |
|  | **DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ** |  |
| ĐẶNG PHƯƠNG LAN | Thử tìm cách hiểu nghĩa các yếu tố *rền* và *nền* trong hát Quan họ | 47 |
|  | **TIN TỨC HOẠT ĐỘNG** |  |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 11 12 (182) – 2010

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| LÊ VĂN CANH & NGUYỄN THỊ NGỌC | Noam Chomsky và Michael Halliday | 1 |
| NGUYỄN THỊ PHƯỢNG | Quan hệ thời gian thể hiện lập luận mạch lạc trong văn bản tập đọc SGK Tiếng Việt tiểu học | 10 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| FUKUDA YASUO | Chính sách ngôn ngữ ở Nhật Bản thời kì cận-hiện đại | 19 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ** |  |
| TRÀ SƠN PHẠM QUANG ÁI | Bến Giang Đình - từ sự kiện | 26 |
| lịch sử-văn hoá đến nghĩa địa danh |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| LÊ XUÂN | Những vần thơ “đi tìm đồng đội” | 29 |
| NGÔ THỊ THANH NGA | Từ “*Hoa tiên kí*” đến “*Đoạn trường tân thanh*” - thử tìm sự ảnh hưởng và tiếp nhận về lời thơ | 32 |
|  | **DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ** |  |
| ĐÀO TIẾN THI | Bàn tiếp về i ngắn y dài | 36 |
|  | **TIN TỨC HOẠT ĐỘNG** |  |